KẾT QUẢ THỰC HIỆN SỐ HÓA HỒ SƠ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Từ ngày 01 tháng 11 năm 2024 đến ngày 30 tháng 11 năm 2024)

Biểu 02

STT	Đơn vị (Cơ quan)	Số hóa hồ sơ TTHC khi Tiếp nhận				Số hóa kết quả giải quyết TTHC				Số hồ sơ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa
		Số hồ sơ Tiếp nhận	Số hồ sơ có số hóa thành phần HS	Tỷ lệ số hồ sơ có số hóa đầy đủ thành phần HS khi tiếp nhận	Số hồ sơ chưa số hóa TPHS	Số hồ sơ đã giải quyết	Số hồ sơ có số hóa kết quả	Tỷ lệ số hóa kết quả hồ sơ	Số hồ sơ chưa số hóa kết quả TTHC	
		(1)	(2)	(3)=(2)/(1)	(5)	(6)=(7)+(9)	(7)	(8)=(7)/(6)	(9)	(10)
1	UBND huyện Tuần Giáo	299	299	100	0	347	347	100	0	0
2	UBND thị trấn Tuần Giáo	103	103	100	0	103	103	100	0	0
3	UBND xã Chiềng Sinh	6	6	100	0	6	6	100	0	0
4	UBND xã Chiềng Đông	39	39	100	0	39	39	100	0	0
5	UBND xã Mùn Chung	33	33	100	0	33	33	100	0	0
6	UBND xã Mường Khong	12	12	100	0	12	11	91,67	1	0
7	UBND xã Mường Mùn	30	30	100	0	33	33	100	0	0
8	UBND xã Mường Thín	4	4	100	0	4	4	100	0	0
9	UBND xã Nà Sáy	22	22	100	0	22	19	86,36	3	0
10	UBND xã Nà Tòng	30	30	100	0	30	30	100	0	0
11	UBND xã Phình Sáng	18	18	100	0	18	18	100	0	0
12	UBND xã Pú Nhung	15	15	100	0	15	14	93,33	1	0
13	UBND xã Pú Xi	20	20	100	0	20	20	100	0	0
14	UBND xã Quài Cang	42	42	100	0	44	35	79,55	9	0
15	UBND xã Quài Nưa	47	47	100	0	47	47	100	0	0
16	UBND xã Quài Tở	21	21	100	0	21	21	100	0	0
17	UBND xã Rạng Đông	18	18	100	0	18	17	94,44	1	0
18	UBND xã Ta Ma	20	20	100	0	19	17	89,47	2	0
19	UBND xã Tênh Phông	4	4	100	0	4	4	100	0	0
20	UBND xã Tỏa Tình	13	13	100	0	13	13	100	0	0
TỔNG SỐ		**796**	**796**	**100.00%**	**0**	**848**	**831**	**98.00%**	**17**	**0**

Biểu số 01

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP TRONG GIẢI QUYẾT TTHC, DVC THEO

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 12 năm 2024 của UBND huyện Tuần Giáo)

STT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	ĐIỂM CÁC CHỈ SỐ															ĐIỂM ĐẠT ĐƯỢC/82 điểm đánh giá	Tỷ lệ % đạt được	XẾP LOẠI	Xếp hạng tháng 10
		Nhóm chỉ số công khai, minh bạch				Tiến độ, KQ giải quyết (24đ)	Nhóm cung cấp DVTT (22đ)		Nhóm số hoá hồ sơ (18đ)					Nhóm mức độ hài lòng (18đ)						
		Chỉ số 1 (6đ)	Chỉ số 2 (6đ)	Chỉ số 3 (2đ)	Chỉ số 4: Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên cổng DVC Quốc gia(4đ)		DVCTT (12đ)	Thanh toán trực tuyến (10đ)	Chỉ số 12: Cấp kết quả điện tử(6đ)	Chỉ số 13: Tỷ lệ hồ sơ TTHC thực hiện số hóa (4đ)	Chỉ số 14: Khai thác, sử dụng lại thông tin(2đ)	Chỉ số 15: Cung cấp chứng thực điện tử (2đ)	Chỉ số 16 (4đ)	Chỉ số 17 (6đ)	Chỉ số 18 (6đ)	Chỉ số 19 (6đ)				
1	UBND thị trấn Tuần Giáo				4	24	4,78	9,18	5,80	3,87	0	2		6	6	6	71,6	87,4	Tốt	1
2	UBND xã Nà Tòng				4	24	6,42	5,93	6	4	0	2		6	6	6	70,3	85,8	Tốt	4
3	UBND xã Quài Nưa				3,41	23,49	6,42	4,33	6	4	0	2		6	6	6	67,7	82,5	Tốt	6
4	UBND xã Quài Cang				2,83	24	3,50	5,00	3,15	2,10	0	2		6	6	6	60,6	73,9	Khá	19
5	UBND xã Nà Sáy				2,59	22,96	5,60	5,39	5,14	3,43	0	2		6	6	6	65,1	79,4	Khá	15
6	UBND xã Mường Khong				2,53	24	5,92	4,67	5,50	3,67	0	2		6	6	6	66,3	80,8	Tốt	9
7	UBND xã Pú Nhung				2,5	24	5,62	5,00	5,06	3,37	0	2		6	6	6	65,5	79,9	Khá	11
8	UBND xã Quài Tở				2,27	24	6,42	1,25	6,00	4	0	2		6	6	6	63,9	78,0	Khá	13
9	UBND xã Chiềng Đông				2,26	24	6,42	5,53	6	4	0	2		6	6	6	68,2	83,2	Tốt	10
10	UBND xã Tỏa Tình				1,88	22,40	5,22	4,00	4,62	3,08	0	2		6	6	6	61,2	74,6	Khá	16
11	UBND xã Ta Ma				1,42	24	5,06	5,65	4,57	3,05	0	2		6	6	6	63,7	77,7	Khá	8
12	UBND xã Mùn Chung				1,39	24	6,42	6,67	6	4	0	2		6	6	6	68,5	83,5	Tốt	3
13	UBND xã Pú Xi				1,31	24	6,42	2,86	6	4	0	2		6	6	6	64,6	78,8	Khá	7
14	UBND xã Tênh Phông				1,2	24	6,42	6,00	6	4	0	2		6	6	6	67,6	82,5	Tốt	12
15	UBND xã Mường Mùn				0,60	24	6,42	6,57	6	4	0	2		6	6	6	67,6	82,4	Tốt	5
16	UBND xã Phình Sáng				0,58	24	6,42	6,67	6	4	0	2		6	6	6	67,7	82,5	Tốt	17
17	UBND xã Chiềng Sinh				0,56	24	6,42	2,22	6	4	0	2		6	6	6	63,2	77,1	Khá	14
18	UBND xã Rạng Đông				0,26	22,86	5,28	1,20	4,86	3,24	0	2		6	6	6	57,7	70,4	Khá	18
19	UBND xã Mường Thín				0,09	24	3,42	1,67	2,40	1,60	0	2		6	6	6	53,2	64,9	Trung bình	2